TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG XUÂN
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2023/HS-ST
Ngày: 25/8/2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG XUÂN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trần Vĩnh Long.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Anh.

Ông Nguyễn Văn Tiến.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Trúc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

- ***Đại diện VKSND huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên tham gia phiên toà***: ông Bùi Văn Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2023, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên mở phiên toà công khai để xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 24/2023/TLST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 8 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. La O T *(Tên gọi khác: Ma Kỳ)* - Sinh năm: 1995 tại huyện D, tỉnh Phú Yên; Nơi cư trú: Thôn P, xã M, huyện D, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Ba Na; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: La O T1 (chết) và bà La O Thị T2 - Sinh năm 1977; Vợ: NLQ1 - Sinh năm 1998, có 02 con sinh năm 2016 và năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. La Lan C *(Tên gọi khác: Ma Chung)* - Sinh năm: 1978 tại huyện D, tỉnh Phú Yên; Nơi cư trú: Thôn P, xã M, huyện D, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Chăm; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 0/12; Con ông: La Mo H1 (chết) và bà La Lan Thị H1 (chết); Vợ: NLQ2 - Sinh năm 1978, có 01 con sinh năm 2004; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. La Lan H *(Tên gọi khác: Ma Châu)* - Sinh năm: 1989 tại huyện D, tỉnh Phú Yên; Nơi cư trú: Thôn P, xã M, huyện D, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Chăm; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông: La Mo H1 (chết) và bà La Lan Thị H2 – Sinh năm 1963; Vợ: NLQ3 - Sinh năm 1994, có 02 con sinh năm 2016 và năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

4. La Lan B *(Tên gọi khác: Ma Hưng)* - Sinh năm: 1982 tại huyện D, tỉnh Phú Yên; Nơi cư trú: Thôn P, xã M, huyện D, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Chăm; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông: La Mo H1 (chết) và bà La Lan Thị H2 – Sinh năm 1963; Vợ: NLQ4 - Sinh năm 1985, có 01 con sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

* Người bào chữa cho bị cáo La O T, La Lan H (Do trung tâm TGPL cử) – Ông Nguyễn Hương Quê – Luật sư thuộc đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên. Bào chữa cho bị cáo La Lan C (Do trung tâm TGPL cử) – Ông Ngô Thiên Phương – Luật sư thuộc đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên. Bào chữa cho bị cáo La Lan B (Do trung tâm TGPL cử) – Bà Nguyễn Thị Khánh Duy – Luật sư thuộc đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên. Ông Nguyễn Hương Quê, Ngô Thiên Phương có đơn xin vắng mặt, có gửi bản luận cứ bào chữa; bà Nguyễn Thị Khánh Duy có mặt.

* Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân xã M, huyện D. Người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Văn Minh – Chủ tịch UBND xã M. Vắng mặt, có gửi đơn xin vắng mặt.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- NLQ1 – Sinh năm : 1998; Có mặt.

- NLQ2 - Sinh năm: 1978; Có mặt.

- NLQ3 - Sinh năm: 1994; Có mặt.

- NLQ4 - Sinh năm: 1987; Có mặt.

- NLQ5 - Sinh năm: 1994; Vắng mặt.

- NLQ6 - Sinh năm: 1979; Vắng mặt.

- NLQ7 - Sinh năm: 1979; Vắng mặt.

- NLQ8 - Sinh năm: 1980; Vắng mặt.

- NLQ9 - Sinh năm: 1982; Vắng mặt.

Tất cả trú tại: Thôn P, xã M, huyện D, tỉnh Phú Yên.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4 (Do trung tâm TGPL cử) – Bà Trần Thị Như Thủy – Luật sư ký hợp đồng của TTTGPLNN tỉnh Phú Yên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng giữa tháng 6/2020, La O T, La Lan H, La Lan C bàn bạc, thống nhất với nhau cùng đi đến khu rẫy trước đây cha mẹ của T, C, H đã khai hoang, trồng lúa tại khu vực rừng có tục danh "Suối Gấm" thuộc khoảnh 4, 5 tiểu khu 59 xã M, huyện D, tỉnh Phú Yên (rừng do UBND xã M, huyện D quản lý) để phát dọn cây rừng lấy đất trồng lúa, trồng keo. Sau đó, T, H, C cùng đi đến khu rừng trên để chọn vị trí rừng cần phát. Đến chiều cùng ngày, T, C, H và La Lan B tổ chức uống rượu tại nhà của H, trong lúc uống rượu B xin T, C, H cho đi phát rừng chung thì T, C, H đồng ý. Lúc này, T, C, H, B thống nhất với nhau là sẽ gọi vợ của mình cùng đi phát rừng, theo hình thức vòng đổi công cho nhau. Sau khi về nhà, T, C, H và B nói vợ là NLQ1, NLQ2, NLQ3 và NLQ4 cùng đi phát rừng để kiếm đất sản xuất. Khi đến khoảnh 4, 5 tiểu khu 59 xã M, T, C, H và B tự làm ranh, phân chia diện tích rừng cho từng người và thống nhất phát rừng cho H trước, sau đó lần lượt phát cho C, B và T. Thời gian phát rừng cho mỗi người là 03 ngày, sử dụng rựa để phát với hình thức phát trắng, còn những cây có đường kính lớn thì mỗi người tự dùng máy cưa cắt hạ sau. Trong thời gian phát rừng, H gọi em ruột là NLQ5, C gọi thêm vợ chồng NLQ6 và NLQ7 còn B gọi thêm NLQ8 cùng tham gia phát rừng.

Sau khi phát rừng theo diện tích đã phân chia xong với tổng cộng 12 ngày, La O T, La Lan C, La Lan H và La Lan B không phát vòng đổi công cho nhau nữa. Sau đó H, vợ chồng T, vợ chồng C, vợ chồng B tiếp tục phát dọn, thu gom thực bì và dùng máy cưa cắt hạ những cây rừng có đường kính lớn trên diện tích rừng đã phát của mình. Đến ngày 04/8/2020, Hạt Kiểm lâm huyện D phối hợp với UBND xã M, huyện D kiểm tra, phát hiện, lập biên bản. Qua điều tra, La O T, La Lan C, La Lan H và La Lan B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại Bản Kết luận giám định tư pháp số 1059, 1060, 1061, 1062 ngày 03/11/2020 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Phú Yên kết luận: Tổng diện tích rừng bị chặt phá tại khoảnh 4, 5 tiểu khu 59, xã M, huyện D là 39.300m^2, trạng thái rừng nghèo kiệt; chức năng rừng phòng hộ (phê duyệt tại Quyết định 2570/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh Phú Yên). Trong đó, diện tích rừng các bị can chặt phá cụ thể là: La O T 14.100m^2, La Lan C 15.600m^2, La Lan H 5.800m^2 và La Lan B 3.800m^2.

Tại Kết luận định giá tài sản số 33/KL-ĐGTS ngày 10/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện D kết luận: Tổng giá trị thiệt hại trong vụ án là 310.612.881 đồng. Trong đó, các bị can gây thiệt hại cụ thể như sau: La O T 119.227.577 đồng; La Lan C 114.138.385 đồng; La Lan H 44.397.396 đồng; La Lan B 32.849.523 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 22/CT-VKSĐX ngày 26/6/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên truy tố các bị cáo La O T, La Lan C, La Lan H, La Lan B về tội *"Hủy hoại rừng"*, theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 243 Bộ luật Hình sự.

- Kiểm sát viên luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Kết luận các bị cáo La O T, La Lan C, La Lan H, La Lan B phạm tội: *"Hủy hoại rừng"*. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo; Đề nghị HĐXX xem xét áp dụng điểm c khoản 3 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 BLHS. Đề nghị xử phạt các bị cáo La O T, La Lan C, La Lan H, La Lan B mỗi bị cáo 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (25/8/2023) Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 48 BLHS; các Điều 584, 585,586, 589 BLDS. Buộc các bị cáo La O T, La Lan C, La Lan H, La Lan B phải liên đới bồi thường cho UBND xã M, huyện D tổng số tiền 310.612.881đ sau khi đã trừ số tiền các bị cáo đã nộp khắc phục thiệt hại. Ủy ban nhân dân xã M được nhận số tiền 24.000.000đ *(hai mươi bốn triệu đồng)* tại ủy nhiệm chi số 09 ngày 03/7/2023 do Công an huyện Đồng Xuân chuyển vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 BLHS, điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS, tịch thu tiêu hủy 03 cái rựa, 01 lưỡi rựa, 01 bộ phận cầm tay của máy cưa xăng cầm tay; Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 máy cưa xăng cầm tay.

- Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình, không tranh luận, bào chữa về hành vi của mình; các bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

- Bào chữa cho các bị cáo, những người bào chữa thống nhất về mặt tội danh cũng như về điều luật, các tình tiết giảm nhẹ TNHS đã nêu tại bản Cáo trạng. Người bào chữa cho các bị cáo đề nghị HĐXX xét đến nguyên nhân, động cơ, mục đích phạm tội vì bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số nên có suy nghĩ phát rẫy làm nương, lại thiếu hiểu biết pháp luật. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên đề nghị HĐXX cho các bị cáo được hưởng án treo.

- Tại đơn xin vắng mặt, đại diện theo pháp luật của nguyên đơn dân sự yêu cầu các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định pháp luật. Về phần hình phạt: Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đồng Xuân, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Xuân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý

kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người liên quan về thời gian, địa điểm phạm tội và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, đủ cơ sở kết luận: Do cần có đất để canh tác nên khoảng giữa tháng 6/2020, La O T, La Lan C, La Lan H, La Lan B đã có hành vi cùng với vợ là NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4 và các nhân công gồm: NLQ5, NLQ6, NLQ7, NLQ8 đi đến khu rừng do UBND xã M, huyện D quản lý thuộc khoảnh 4, 5 tiểu khu 59 xã M, huyện D, tỉnh Phú Yên dùng rựa, máy cưa chặt phá rừng phòng hộ, với tổng diện tích 39.300m^2, gây thiệt hại 310.612.881 đồng. Trong đó, T chặt phá 14.100m^2, gây thiệt hại 119.227.577 đồng; C chặt phá 15.600m^2, gây thiệt hại 114.138.385 đồng; H chặt phá 5.800m^2, gây thiệt hại 44.397.396 đồng; B chặt phá 3.800m^2, gây thiệt hại 32.849.523 đồng, nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Xuân truy tố các bị cáo La O T, La Lan C, La Lan H, La Lan B về tội *"Hủy hoại rừng"* là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài nguyên rừng và chế độ quản lý rừng của Nhà nước, xâm phạm đến môi trường sinh thái, có thể gây ra những hậu quả nghiêm trọng cho đời sống chung của xã hội, nên đối với các bị cáo cần áp dụng một hình phạt tù nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo.

- Đối với bị cáo La O T, La Lan C: Mặc dù không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng thuộc khoảnh 4, 5 tiểu khu 59 xã M nhưng vì muốn có đất để canh tác mà các bị cáo đã cùng vợ và những người liên quan khác chặt phá rừng với diện tích lớn và thiệt hại lớn hơn các bị cáo khác trong cùng vụ án. Hành vi của các bị cáo đã phạm tội *"Hủy hoại rừng"* theo điểm c khoản 3 Điều 243 BLHS. Các bị cáo La O T, La Lan C có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, nên áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS đối với các bị cáo.

- Đối với các bị cáo La Lan H, La Lan B: Các bị cáo có bàn bạc việc cùng nhau đi phát rừng, nhưng khi đi đến nơi thì các bị cáo tự làm ranh, phân chia diện tích rừng cho từng người riêng biệt. Việc các bị cáo phát rừng cho nhau là để đổi

công cho nhau. Vì vậy, hành vi của các bị cáo H, B là riêng biệt và chịu trách nhiệm riêng với hậu quả của mình gây ra, nên hành vi của các bị cáo La Lan H, La Lan B phạm tội *"Hủy hoại rừng"* theo điểm c khoản 1 Điều 243 BLHS.

Các bị cáo La O T, La Lan C, La Lan H, La Lan B đều là đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn; mục đích phá rừng là để lấy đất làm rẫy trồng lúa, trồng keo để cải thiện đời sống; đã tự nguyện bồi thường, khắc phục một phần hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; gia đình các bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo, là lao động chính trong gia đình; các bị cáo có trình độ học vấn thấp, hiểu biết pháp luật hạn chế, không phân định được ranh giới các loại rừng; có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, mà cho các bị cáo được hưởng chính sách pháp luật hình sự quy định tại Điều 65 BLHS cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa tội phạm như lời đề nghị của Kiểm sát viên và người bào chữa cho bị cáo là phù hợp. Xét các bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo, là đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, không có thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4] Đối với NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4: Có hành vi cùng với chồng là các bị can La O T, La Lan C, La Lan H, La Lan B và các nhân công tham gia chặt phá rừng trái phép tại khoảnh 4, 5 tiểu khu 59 xã M, huyện D với tổng diện tích là 39.300m^2. Hành vi của NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4 có dấu hiệu của tội Hủy hoại rừng, quy định tại Điều 243 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, qua điều tra nhận thấy NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4 là vợ của các bị can T, C, H, B; đều là người đồng bào dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; nhận thức pháp luật còn hạn chế; trước khi đi phát rừng đều được chồng của mình nói lại là đất rẫy của cha mẹ trước kia đã canh tác để lại nên đi phát rừng theo tập tục; tham gia phát rừng theo lời chồng, mục đích phụ giúp chồng phát rừng kiếm đất sản xuất để cải thiện kinh tế, xóa đói, giảm nghèo chứ không chủ động và không biết đây là rừng do Nhà nước quản lý, cấm chặt phá. Xét tính chất nguy hiểm do hành vi của NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4 là không đáng kể, đóng vai trò thứ yếu trong vụ án, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đồng Xuân áp dụng khoản 2 Điều 8 Bộ luật Hình sự

không xử lý hình sự đối với NLQ1, NLQ2, NLQ3 và NLQ4 mà xem xét xử lý bằng biện pháp khác là có căn cứ, đúng quy định.

Đối với NLQ6, NLQ7: Có hành vi tham gia phát rừng cho La Lan C tại khoảnh 4, 5 tiểu khu 59 xã M, huyện D, với diện tích 15.600m^2. Hành vi của các đối tượng này có dấu hiệu của tội Hủy hoại rừng, quy định tại Điều 243 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, trước khi đi phát rừng thì các nhân công này đều được cho biết là khu vực trên là đất rẫy của cha mẹ của C, B, H khai hoang để lại nên tham gia phát rừng theo tập tục; tất cả đều là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; có trình độ văn hóa thấp, nhận thức về pháp luật hạn chế, không nắm rõ quy hoạch, không biết khu vực rừng tham gia chặt phá ở khoảnh 4, 5 tiểu khu 59 xã M là rừng cấm; đều có điều kiện kinh tế gia đình rất khó khăn; chỉ tham gia phát rừng để trả công lao động; thực hiện việc phát rừng theo yêu cầu, hướng dẫn của bị can C. Xét tính chất nguy hiểm do hành vi của các đối tượng này gây ra là không đáng kể, đóng vai trò thứ yếu trong vụ án, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đồng Xuân áp dụng khoản 2 Điều 8 Bộ luật Hình sự không xử lý hình sự đối với NLQ6, NLQ7 mà xem xét xử lý bằng biện pháp khác là có căn cứ, đúng quy định.

Đối với NLQ8 và NLQ5: Có hành vi tham gia phát rừng cho La Lan H và La Lan B tại khoảnh 4, 5 tiểu khu 59 xã M, huyện D. Tuy nhiên, qua điều tra xác định diện tích rừng mà NLQ8 và NLQ5 đã chặt phá đều dưới 3.000m^2 và không có yếu tố định tội khách nên hành vi của NLQ8 và NLQ5 không cấu thành tội phạm.

Đối với các cá nhân có trách nhiệm trong việc quản lý, bảo vệ rừng tại khoảnh 4, 5 tiểu khu 59 xã M, huyện D: Tổng diện tích rừng bị hủy hoại là 3,39ha, gây thiệt hại 310.612.881đ. Các cá nhân được giao trách nhiệm quản lý, bảo về rừng có dấu hiệu của tội *"Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng"*, Việc tách ra để điều tra, xử lý sau là không toàn diện, triệt để, có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm. Thẩm phán được phân công xét xử vụ án đã trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Xuân để điều tra bổ sung, nhưng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Xuân không chấp nhận. Căn cứ Điều 280, 298 BLTTHS Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS; các Điều 584, 585,586, 589 BLDS. Buộc các bị cáo La O T, La Lan C, La Lan H, La Lan B phải bồi thường cho UBND xã M, huyện D tổng số tiền 310.612.881đ theo thiệt hại mà các

bị cáo đã gây ra tại Bản kết luận định giá tài sản số 33 ngày 10/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện D, sau khi đã trừ số tiền các bị cáo đã nộp khắc phục thiệt hại.

[6] Về xử lý vật chứng: 03 cái rựa, 01 lưỡi rựa, 01 bộ phận cầm tay của máy cưa xăng cầm tay là công cụ dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu tiêu hủy; 01 máy cưa xăng cầm tay là công cụ dùng để thực hiện hành vi phạm tội còn giá trị sử dụng nên tịch thu sung quỹ Nhà nước theo quy định tại Điều 47 BLHS, điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

[7] Về án phí: Các bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên xét miễn án phí HSST và án phí DSST đối với các bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo La O T, La Lan C, La Lan H, La Lan B phạm tội: *"Hủy hoại rừng"*.

- Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 BLHS đối với bị cáo La O T, La Lan C. Xử phạt bị cáo La O T, La Lan C mỗi bị cáo 03 *(ba)* năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (*năm)* năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (25/8/2023). Miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS đối với bị cáo La Lan H, La Lan B. Xử phạt bị cáo La Lan H, La Lan B mỗi bị cáo 01 *(một)* năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (*hai)* năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (25/8/2023). Miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Giao các bị cáo La O T, La Lan C, La Lan H, La Lan B cho UBND xã M, huyện D, tỉnh Phú Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát, giáo dục các bị cáo được thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS; các Điều 584, 585,586, 589 BLDS, buộc các bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho UBND xã M, huyện D tổng số tiền là 310.612.881đ, cụ thể:

- Bị cáo La O T phải bồi thường 119.227.577đ, đã bồi thường 5.000.000đ, còn phải tiếp tục bồi thường 114.227.577đ *(một trăm mười bốn triệu, hai trăm hai mươi bảy ngàn, năm trăm bảy mươi bảy đồng)*.

- Bị cáo La Lan C phải bồi thường 114.138.385đ, đã bồi thường 5.000.000đ, còn phải tiếp tục bồi thường 109.138.385đ. *(một trăm lẻ chín triệu, một trăm ba mươi tám ngàn, ba trăm tám mươi lăm đồng)*.

- Bị cáo La Lan H phải bồi thường 44.397.369đ, đã bồi thường 9.000.000đ, còn phải tiếp tục bồi thường 35.397.396đ *(ba mươi lăm triệu, ba trăm chín mươi bảy ngàn, ba trăm chín mươi sáu đồng)*.

- Bị cáo La Lan B phải bồi thường 32.849.523đ, đã bồi thường 5.000.000đ, còn phải tiếp tục bồi thường 27.849.532đ *(hai mươi bảy triệu, tám trăm bốn mươi chín ngàn, năm trăm ba mươi hai đồng)*.

Ủy ban nhân dân xã M được nhận số tiền 24.000.000đ *(hai mươi bốn triệu đồng)* tại Ủy nhiệm chi số 09 ngày 03/7/2023 do Công an huyện Đồng Xuân chuyển vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Xuân khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án phải chịu lãi chậm trả với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS, tịch thu tiêu hủy 03 cái rựa, 01 lưỡi rựa, 01 bộ phận cầm tay của máy cưa xăng cầm tay; Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 máy cưa xăng cầm tay *(Các vật chứng có đặc điểm như mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng lập vào hồi 16 giờ 35 phút, ngày 29/6/2023 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Đồng Xuân và Chi cục THADS huyện D).*

* Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 12 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí HSST và án phí DSST đối với các bị cáo La O T, La Lan C, La Lan H, La Lan B.

* Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tống đạt hợp lệ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Vĩnh Long

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Đồng Xuân;
- Công an huyện Đồng Xuân;
- CC THADS huyện Đồng Xuân;
- Những người tham gia tố tụng;